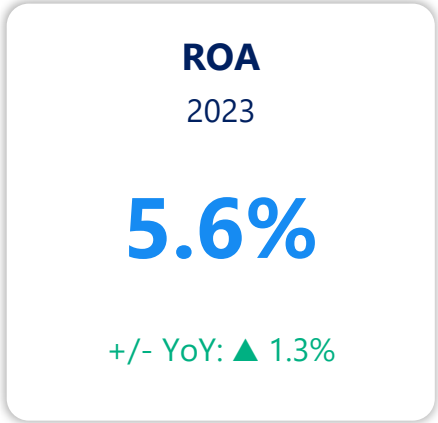
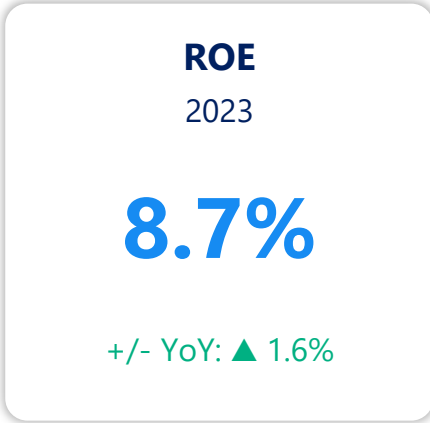
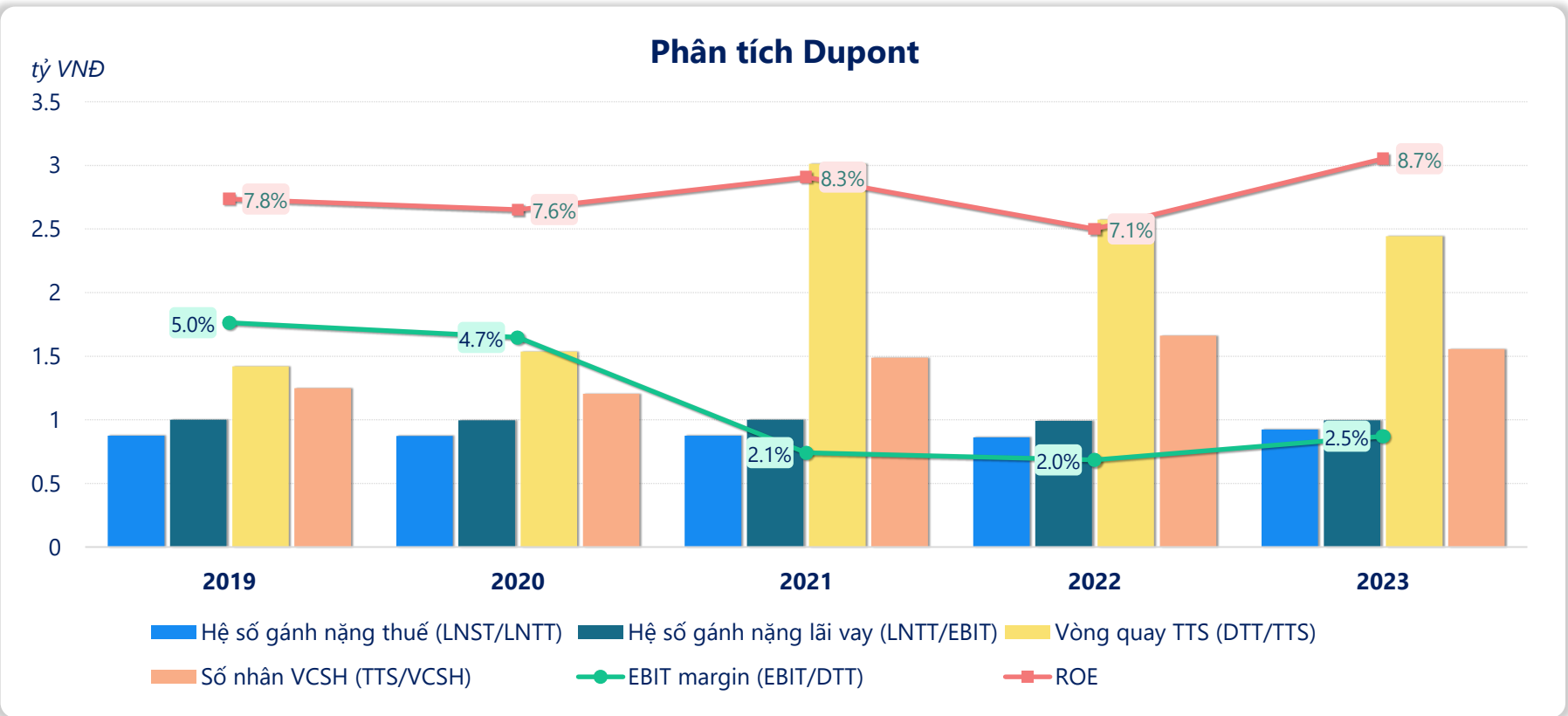
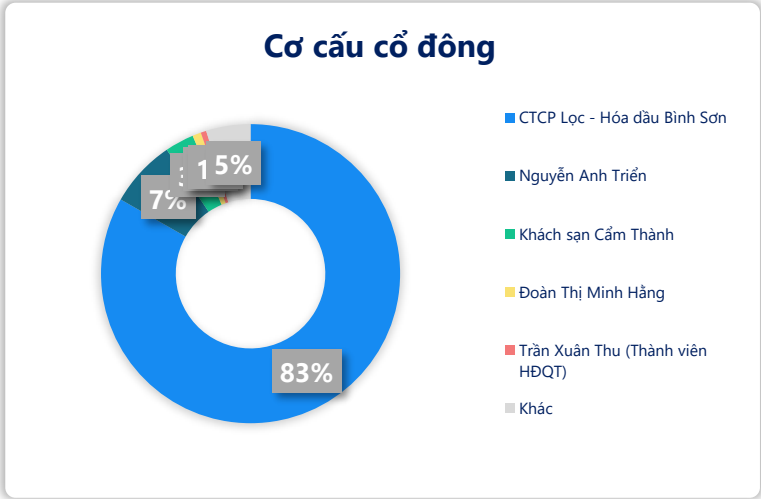


CTCP Nhà và Thương mại Dầu khí (UPCOM: PBT)

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		7,500
Sàn giao dịch		UPCOM
Khoảng giá 52 tuần		6,706 - 9,256
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		131
Số lượng CPLH (CP)		17,522,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)		255
Sở hữu nước ngoài		0.0%
Beta		0.32
EPS		952
P/E		7.9

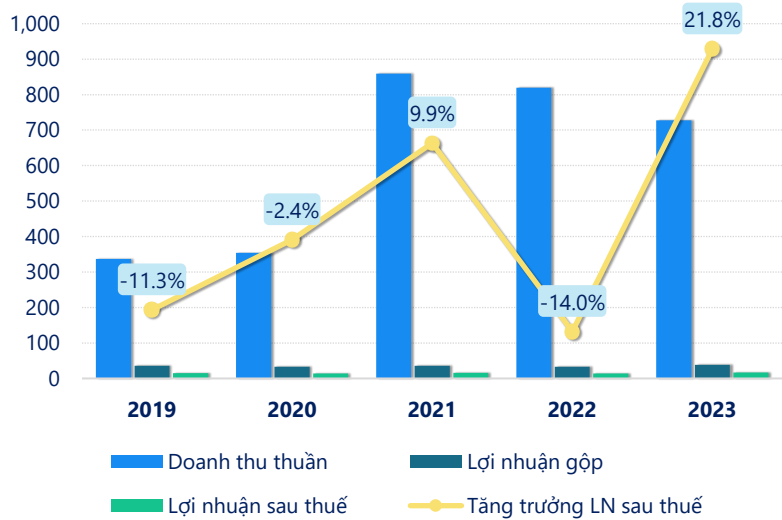
	YTD	1T	3T	6T
PBT	7.3%	-6.3%	-6.3%	10.3%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%



CTCP Nhà và Thương mại Dầu khí (UPCOM: PBT)

Kết quả kinh doanh

tỷ VNĐ

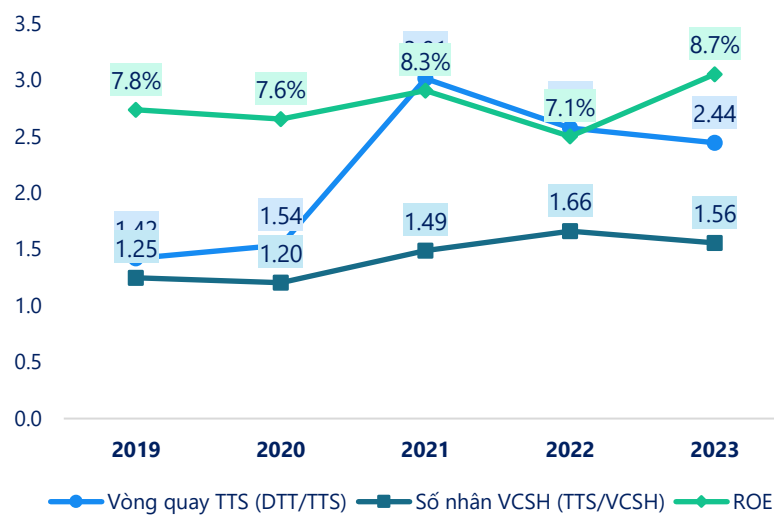


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **2.49%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.92**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **1.00**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.

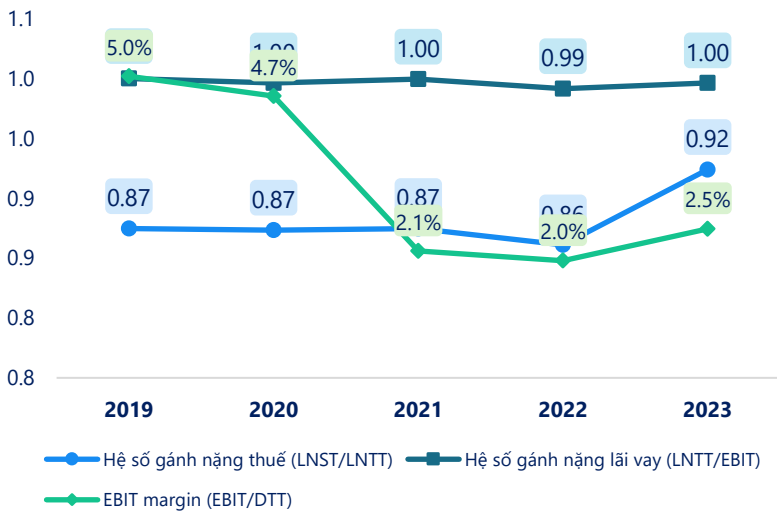
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2023**, **PBT** ghi nhận doanh thu thuần **727.3** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **16.67** tỷ đồng, lần lượt **giảm 11.2%** và **tăng 21.8%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

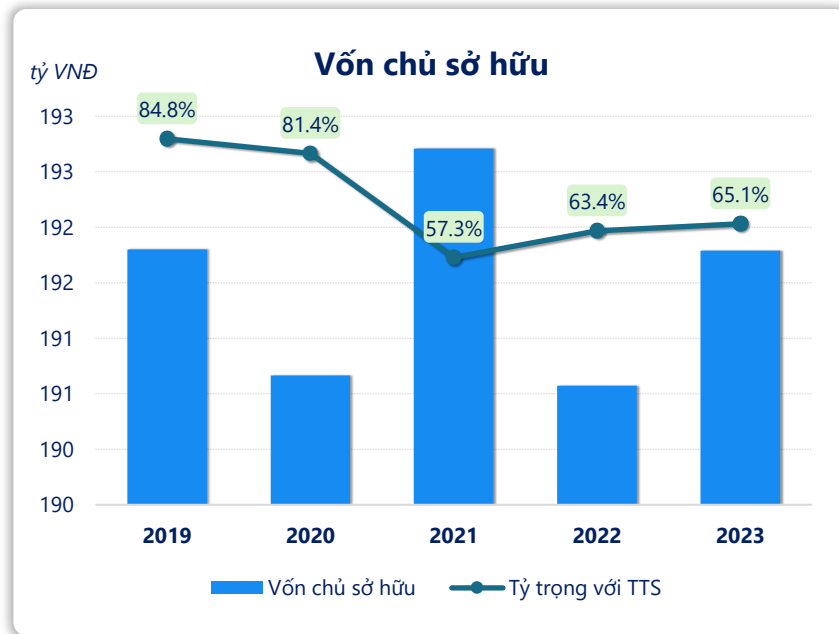
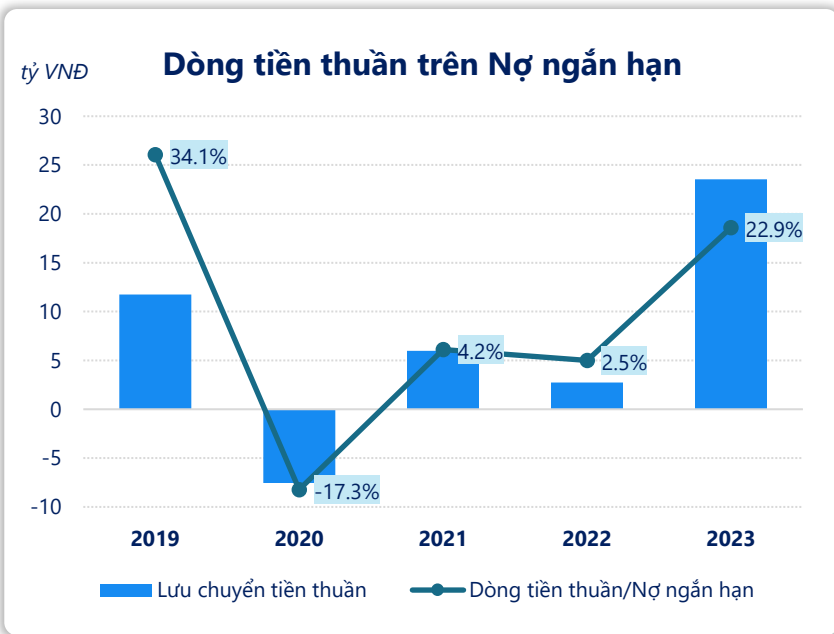
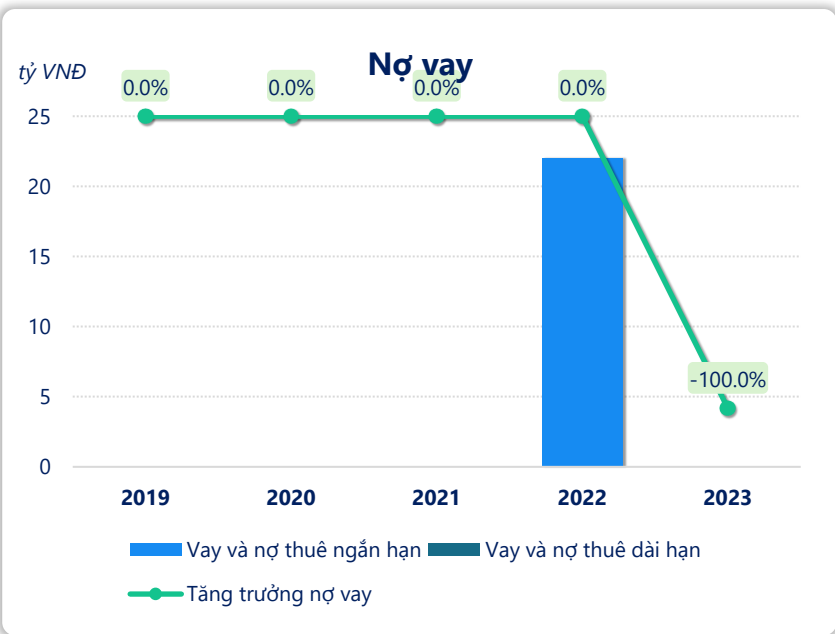
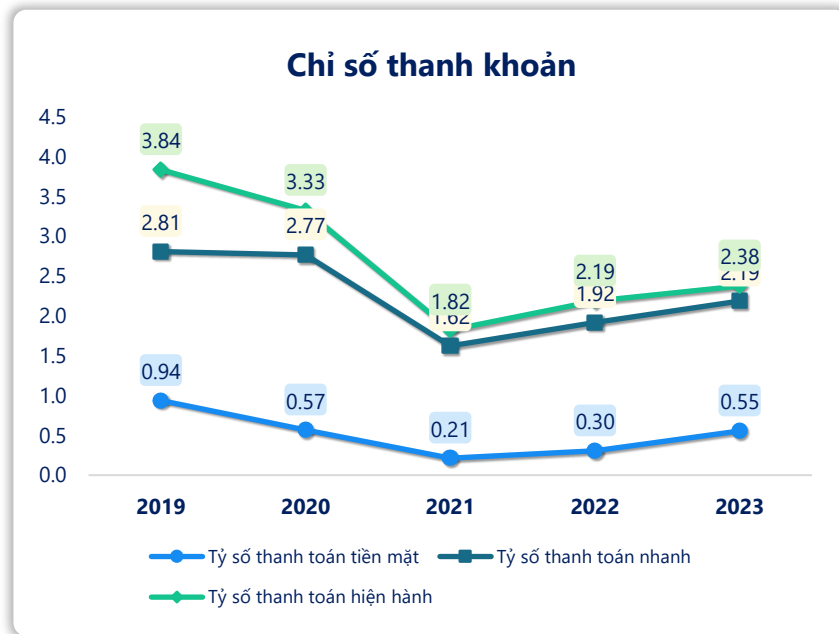


Vòng quay tổng tài sản đạt **2.44**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **1.56** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Nhà và Thương mại Dầu khí (UPCOM: PBT)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	295	300	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	244	240	1.9%
Tiền và tương đương tiền	57.0	33.4	70.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	69.7	70.3	-0.9%
Phải thu ngắn hạn	96.3	104	-7.8%
Hàng tồn kho	19.7	29.8	-34.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.78	2.06	-13.5%
Tài sản dài hạn	50.2	60.4	-16.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	46.4	56.4	-17.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.79	3.94	-3.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	103	110	-6.3%
Nợ ngắn hạn	103	110	-6.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	22.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	88.9	71.7	23.9%
Nợ dài hạn	0.07	0.10	-34.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	192	191	0.6%
Vốn chủ sở hữu	192	191	0.6%
Vốn điều lệ	175	175	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	337	354	860	819	727
Giá vốn hàng bán	301	321	824	786	689
Lợi nhuận gộp	36.2	33.1	35.7	33.0	38.5
Doanh thu HĐTC	0.86	3.64	4.41	4.72	5.57
Chi phí TC	0.00	0.07	0.02	2.54	0.07
Chi phí lãi vay	0	0.06	0.01	0.14	0.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.35	3.85	4.64	1.87	4.49
Chi phí QLDN	16.7	17.0	17.7	18.2	22.1
LN thuần từ HĐKD	17.0	15.8	17.8	15.2	17.4
Lợi nhuận khác	0.03	0.80	0.43	0.72	0.63
LN trước thuế	17.0	16.6	18.2	15.9	18.0
Lợi nhuận sau thuế	14.9	14.5	15.9	13.7	16.7
LNST của CĐ cty mẹ	14.9	14.5	15.9	13.7	16.7

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.3	61.3	45.9	-29.3	50.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.05	-57.5	-29.6	22.1	3.90
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.47	-11.3	-10.3	9.96	-31.1
Tiền đầu kỳ	20.5	32.3	24.7	30.7	33.4
Lưu chuyển tiền thuần	11.8	-7.56	5.97	2.74	23.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-0.01	0.01	0.06
Tiền cuối kỳ	32.3	24.7	30.7	33.4	57.0